

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng các vần *ươu, ươu*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *ươu, ươu*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng các vần *ui, ui* (chữ cỡ vừa); Viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vần *ui, ui*.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần *ươu, ươu* có trong bài học.
- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết về một số loài vật đặc biệt như chim khướu (loài chim biết bắt chước tiếng người), lạc đà (một loài vật đặc biệt với cái bướu lớn trữ mỡ trên lưng, có thể giúp con người băng qua những vùng sa mạc khắc nghiệt trong nhiều ngày), một số loài vật thông minh, có khả năng làm xiếc (xiếc thú) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ (1. Hình ảnh chim khướu biết bắt chước tiếng người; 2. Hình ảnh chú lạc đà đang đi qua sa mạc; 3. Hình ảnh rạp xiếc với những tiết mục xiếc thú đặc sắc.)
- Phát triển kĩ năng nói về một diễn biến nào đó mà em đã trải nghiệm, cụ thể là nói về một buổi đi xem xiếc với những tiết mục xiếc thú đặc sắc.

II CHUẨN BỊ

- Nắm vững đặc điểm phát âm; cấu tạo, quy trình và cách viết các vần *ươu, ươu*; hiểu rõ nghĩa của các từ ngữ trong bài học.
- Hiểu biết về loài lạc đà: một loài vật đặc biệt với cái bướu lớn dự trữ mỡ trên lưng, có thể giúp con người băng qua những vùng sa mạc khắc nghiệt trong nhiều ngày.
- Hiểu biết về một số loài chim, thú thông minh, có khả năng bắt chước tiếng nói, hành động của con người, làm theo những chỉ dẫn của con người.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn và khởi động

Ôn lại những vần vừa học trong bài trước *uôn, uông* và tạo tâm thế cho giờ học.

2. Nhận biết

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Em thấy gì trong tranh?* Một số (2 - 3) HS trả lời.

- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Chim khuấy/ biết bắt chước/ tiếng người.*
- GV giới thiệu các vần mới *ươi, ươi*. Viết tên bài lên bảng.

3. Đọc

a. Đọc vần

- Đọc vần *ươi*
 - + Đánh vần
 - GV đánh vần mẫu: *ư - ơ - i - ươi*.
 - Một số (5 - 6) HS nối tiếp nhau đánh vần *ươi*.
 - Lớp đánh vần đồng thanh một lần.
 - + Đọc trơn vần *ươi*
 - Một số (5 - 6) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần *ươi*.
 - Lớp đọc trơn đồng thanh một lần.
 - + Ghép chữ cái tạo vần *ươi*
 - HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần *ươi*.
 - GV yêu cầu HS nêu cách ghép.
- Đọc vần *ươi*

Quy trình tương tự quy trình luyện đọc vần *ươi*.

- So sánh các vần: Tìm điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần trong bài. GV yêu cầu HS nêu lại các vần vừa học.

b. Đọc tiếng

- Đọc tiếng mẫu
 - GV giới thiệu mô hình tiếng *người*. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *người*.
 - Một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng *người* (*ngờ - ươi - người - huyền - người*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *người*.
 - Một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng *người*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *người*.
 - Đọc tiếng trong SHS
 - + Đọc tiếng chứa vần *ươi*
 - GV đưa các tiếng chứa vần *ươi*, yêu cầu HS tìm điểm chung.
 - Đánh vần tiếng: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng cùng vần *ươi*.
 - Đọc trơn các tiếng cùng vần *ươi*.
 - + Đọc tiếng chứa vần *ươi*
- Quy trình tương tự với quy trình đọc tiếng chứa vần *ươi*.

- + Đọc trơn các tiếng chứa hai vần đang học: Một số (3 – 4) HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn 3 – 4 tiếng lần hai nhóm vẫn.
- + Một số (2 – 3) HS đọc tất cả các tiếng.
- Ghép chữ cái tạo tiếng
 - + HS tự tạo các tiếng có chứa vần *ươi*.
 - + GV yêu cầu 1 – 2 HS phân tích tiếng, 1 – 2 HS nêu lại cách ghép.
 - + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.

c. Đọc từ ngữ

- GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: *tươi cười, quả bưởi, ốc bươu*. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *quả bưởi*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *quả bưởi* xuất hiện dưới tranh. HS nhận biết tiếng chứa vần *ươi* trong *quả bưởi*, phân tích và đánh vần tiếng *bưởi*, đọc trơn từ ngữ *quả bưởi*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *tươi cười, ốc bươu*.
- HS tìm từ ngữ mới có vần *ươi* hoặc *ươi*.
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

4. Viết bảng

- GV đưa mẫu chữ viết các vần *ươi, ươi*.
- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình viết các vần *ươi, ươi*.
- HS viết vào bảng con: *ươi, ươi* và *cười, bưởi*.
- HS nhận xét bài của bạn.
- GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS.

TIẾT 2

5. Viết vở

- HS viết vào vở *Tập viết 1, tập một* các từ ngữ *tươi cười, ốc bươu*.
- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.
- GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

6. Đọc đoạn

- GV đọc mẫu cả đoạn.
- HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần *ươi, ươi*.
- Một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần *ươi, ươi* trong đoạn văn một số lần.

- GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 – 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.
- Một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.
- HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:
 - + Lạc đà có bộ phận gì đặc biệt? Bộ phận đó nằm ở đâu?
 - + Vì sao lạc đà có thể sống nhiều ngày mà không cần ăn uống?
 - + Lạc đà có lợi ích gì đối với con người?
- GV và HS thống nhất câu trả lời.

7. Nói theo tranh

- HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: *Các em nhìn thấy những con vật nào trong tranh? Em có biết từng con vật trong tranh có những lợi ích gì không?*
- Một số (2 – 3) HS trả lời những câu hỏi trên và có thể nói về những hiểu biết của mình về lợi ích của một vài con vật khác.
- GV cần giúp HS hiểu được lợi ích của một số vật nuôi, sự gắn gũi của vật nuôi với con người. Vì vậy chúng ta cần biết yêu thương vật nuôi, không được lạm dụng và ngược đãi chúng.

8. Củng cố

- HS tìm một số từ ngữ chứa các vần *ươi, ươi* và đặt câu với từ ngữ tìm được.
- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- GV lưu ý HS ôn lại các vần *ươi, ươi* và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.